

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-PT
Ngày: 04-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn

Ông Phạm Hùng Nuôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04-5-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 28-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2020/QĐ-PT ngày 19-3-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐ-PT ngày 05-4-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Đường P, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

2. Ông D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 316, ấp L, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: bà A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020; biên bản hòa giải ngày 21/8/2020; biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2020; cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà B trình bày:

Do bà A với ông D là bà con cô cậu, nên bà A có cho bà C và ông D vay tiền 03 lần:

Lần 1: ngày 22/01/2020 dương lịch vay: 450.000.000đ

Lần 2: ngày 01/02/2020 dương lịch vay tiếp: 100.000.000đ

Lần 3: ngày 02/02/2020 dương lịch vay thêm: 30.000.000đ

Tổng cộng: 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay khi nào cần lấy lại vốn bà A cho bà C và ông D hay thì trả, mục đích vay tiền để mua bán trái cây, từ khi vay đến nay bà C và ông D trả lãi được: 20.600.000đ.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà C và ông D phải có trách nhiệm trả cho bà A số tiền vốn: : 580.000.000đ(Năm trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất 20% / năm, tính từ ngày (thụ lý) 03/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2020; biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2020; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà C trình bày:

Bà thừa nhận có thiếu tiền vay bà A 580.000.000đ, vay rất nhiều lần, vay rồi trả vốn lãi, khi cần qua vay nữa, bà A cho rằng vay 03 lần là không đúng. Việc vay tiền trên chỉ có bà C vay, chứ không có ông D, số tiền: 580.000.000đ là kết sổ vay tới (ngày 22/01/2020 dương lịch vay: 450.000.000đ; tới ngày 01/02/2020 dương lịch vay tiếp: 100.000.000đ; ngày 02/02/2020 dương lịch vay thêm: 30.000.000đ), lãi suất 12%/ tháng, thời hạn vay không có, từ khi vay đến nay bà trả lãi cho bà A 151.400.000đ, còn vốn thì chưa trả.

Nay bà A yêu cầu trả 580.000.000đ, bà xin trả mỗi tháng 1.000.000đ/tháng cho đến khi dứt số tiền trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2020, bị đơn ông D trình bày:

Ông D cho rằng không có bà con họ hàng gì với bà A, cũng không có vay tiền theo lời trình bày của bà A. Nay bà A yêu cầu trả 580.000.000đ, ông không thừa nhận và cũng không đồng ý trả.

- Sự việc được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 28-12-2020 đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 1,2 Điều 468; khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu của bà A kiện bà C và D về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A các khoản tiền sau:

Tiền vốn: 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng);

Tiền lãi: 23.041.095 đ (Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi lăm đồng);

Tổng Cộng vốn, lãi: 603.041.095 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu không trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi lăm đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà A buộc ông D phải có nghĩa vụ cùng với bà C trả số tiền vốn, lãi: 603.041.095 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu không trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi lăm đồng).

- Ngày 11-01-2021 nguyên đơn bà A kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền 580.000.000 đồng và tiền lãi là 20%/năm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của việc kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà A phù hợp với quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị đơn đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng bà C, ông D vay tiền của bà A 03 lần vào các ngày 22/01/2020 dương lịch vay 450.000.000đ; ngày 01/02/2020 dương lịch vay tiếp 100.000.000đ; ngày 02/02/2020 dương lịch vay thêm 30.000.000đ, tổng cộng: 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, từ khi vay đến nay bà C và ông D trả lãi được: 20.600.000đ. Nay yêu cầu bà C và ông D trả số tiền vốn: 580.000.000đ, lãi suất 20% / năm, tính từ ngày (thụ lý) 03/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm

[2.2] Bị đơn C cho rằng bà thừa nhận có vay của bà A tổng cộng số tiền 580.000.000đ, chỉ có một mình bà vay, không có ông D. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà xin trả cho bà A mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu buộc ông D cùng có trách nhiệm liên đới với bà C trả cho bà A số tiền vốn vay 580.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, xét thấy: việc nguyên đơn cho rằng, ông D và bà C cùng vay của bà A số tiền 580.000.000 đồng, nhưng không được ông D thừa nhận và nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh là ông D cùng với bà C có vay số tiền 580.000.000 đồng của bà nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn C thừa nhận có vay của nguyên đơn A tổng cộng số tiền là 580.000.000 đồng, và bà C khẳng định là do bà C tự vay, mục đích sử dụng riêng cho cá nhân, ông D hoàn toàn không biết và không có sử dụng số tiền này.

Mặc dù, bà C vay số tiền 580.000.000 đồng này trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C với ông D, nhưng khi vay thì bà C không có trao đổi với ông D, tự ý vay và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu sài cá nhân, ông D không có sử dụng cũng như không biết việc vay tiền này. Nguyên đơn cũng không chứng minh được việc bà C vay số tiền 580.000.000 đồng này vào các mục đích như: vay để kinh doanh chung của vợ chồng; việc bà C vay được ông D ủy quyền thống nhất cho vay; vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

[4] Nguyên đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cũng không cung cấp thêm chứng cứ mới. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008517, ngày 13-01-2021 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà A: giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2020/DS-ST ngày 28-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 1,2 Điều 468; khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu của bà A kiện bà C và D về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A các khoản tiền sau:

Tiền vốn: 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng);

Tiền lãi: 23.041.095 đ (Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi lăm đồng);

Tổng Cộng vốn, lãi: 603.041.095 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu không trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi lăm đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà A buộc ông D phải có nghĩa vụ cùng với bà C trả số tiền vốn, lãi: 603.041.095 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu không trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi lăm đồng).

Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 30.152.054 đồng (Ba mươi triệu một trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi bốn ngàn)

Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà A 13.600.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005185 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà C còn phải trả lãi cho bà A theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008517, ngày 13-01-2021 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Sóc Trăng, vậy bà A đã thực hiện xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND T. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũ

